

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST  
Ngày 24-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Phương Lâm.

Bà Hoàng Thị Lam.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Linh Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**- Hoàng Thị N** - Sinh ngày 26/3/1978 tại Xã V, huyện H, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Hoàng Việt M (đã chết) và bà: Tô Thị Đ (sinh năm 1944); chồng là: Nông Văn H (đã chết); có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/7/2020 đến nay, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**- Người bào chữa:** Bà Đoàn Thị Tâm - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Tô Văn N, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 3, phường N, thành phố C, Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Lý Thị H, sinh năm 1999. Trú tại: xóm C, xã C, huyện B, Bắc Kạn. Vắng mặt.

3. Lý Thị M, sinh năm 1991. Trú tại: Bản L, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 3/2020 Lý Thị H, Lý Thị M liên lạc qua mạng Zalo với một người phụ nữ tên L (tên thật là Phùng Thị S, sinh năm 1995, trú tại xóm N, xã C, huyện B, Bắc Kạn) để tìm việc làm bên Trung Quốc. L cho biết có công việc làm ván gỗ lương tháng khoảng 5000 - 6000CNY (nhân dân tệ) nếu làm thì bắt xe khách lên thành phố C, sẽ có người đưa sang Trung Quốc. Chi phí sang Trung Quốc do chủ bên Trung Quốc trả trước, sẽ trừ vào tiền công lao động sau này. Sau đó Lý Thị M rủ thêm 06 người là Giàng A T, Thào Thị D, Sùng A L, Thào A V, Cứ A C, Cứ Thị D cùng đi. Tối ngày 25/3/2020 nhóm của Lý Thị M đi xe khách từ Yên Bái xuống bến xe Mỹ Đình, Hà Nội rồi lên thành phố C; Lý Thị H bắt xe khách từ Bắc Kạn lên thành phố C. Trên đường đi Lý Thị M và Lý Thị H nhận được điện thoại của Hoàng Thị N hẹn khi nào lên đến nơi thì chờ ở cổng bến xe khách thành phố C sẽ có ô tô đến đón đưa vào Huyện H, tỉnh Cao Bằng sau đó sẽ sang Trung Quốc. Sau khi nhóm người này đến bến xe khách thành phố C, Nội gọi điện cho Tô Văn N bảo Tô Văn N chở nhóm người này vào Huyện H, tỉnh Cao Bằng với giá 400CNY (bốn trăm nhân dân tệ), đến 18 giờ 30 phút Tô Văn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 11A - 056.47 đến bến xe khách thành phố C để đón người thì bị Công an thành phố C phát hiện, kiểm tra và đưa về trụ sở làm việc.

Hành vi của Hoàng Thị N đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 47/CTr-VKSCB(P1) ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Thị N về tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trong bản cáo trạng là đúng, không oan và khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 3/2020 Hoàng Thị N được một người đàn ông Trung Quốc tên là P (không rõ địa chỉ) gọi điện vào số điện thoại 0335.501.485 thuê sắp xếp xe đón người từ thành phố C vào thị trấn T, huyện Huyện H, tỉnh Cao Bằng để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê, hẹn khi nào có người sẽ gọi cho Hoàng Thị N. Sau đó Hoàng Thị N sử dụng tài khoản Wechat Hoàng Thị N kết bạn với người đàn ông này. Quá trình nói chuyện trên Wechat, P cho biết có khoảng 09 người đến 10 người đang có nhu cầu đi lao động bên Trung Quốc, nếu đón được

sẽ trả cho Hoàng Thị N 500CNY (năm trăm nhân dân tệ)/01 chuyến. Ngày 26/3/2020 P gọi điện cho Hoàng Thị N nói có 08 (tám) người đang lên Cao Bằng, bảo Hoàng Thị N sắp xếp đón người vào thị trấn T, huyện Huyện H, tỉnh Cao Bằng để người đàn ông này đưa sang Trung Quốc. Do thời điểm đó trùng vào tết thanh minh (03/3 âm lịch) nên khó tìm xe đón người, Hoàng Thị N đã đòi tăng tiền công lên 4000CNY (bốn nghìn nhân dân tệ)/01 chuyến, P đồng ý và gửi cho Hoàng Thị N 02 số điện thoại 0376.243.897 của Lý Thị H và số 0852.147.107 của Lý Thị M để chủ động liên lạc đón. Hoàng Thị N gọi điện bảo Tô Văn N đến đón, khi Tô Văn N đến bến xe khách thành phố C đón nhóm người của Lý Thị M và Lý Thị H thì bị cơ quan Công an kiểm tra và đưa về trụ sở làm việc.

Những người làm chứng Lý Thị H, Lý Thị M khai nhận do nghe Phùng Mùi S (L) nói bên Trung Quốc cần người làm thuê, những người đi cùng là bạn bè, anh em, họ tự nguyện đi làm, cả hai không lôi kéo, không có hành vi vụ lợi do đó không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Lý Thị H, Lý Thị M.

Đối với Tô Văn N được Hoàng Thị N gọi điện bảo chở nhóm người đi cùng Lý Thị M và Lý Thị H, Tô Văn N chở người để lấy tiền công, không biết mục đích của Hoàng Thị N nhờ chở người vào trong thị trấn T, Huyện H, tỉnh Cao Bằng để đưa sang Trung Quốc nên không có căn cứ để xử lý Tô Văn N.

Kết thúc phần xét hỏi kiểm sát viên tham gia phiên tòa, trình bày lời luận tội và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo Hoàng Thị N là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- 01(một) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, màu xanh đen, nhãn hiệu OPPO có số IMEI 1: 860163041292736; IMEI 2: 860163041292728, có gắn 01 (một) sim.

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, màu xanh, nhãn hiệu FOXFONE, có gắn 02 (hai) sim. Do những vật chứng trên, bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc và là phương tiện thực hiện tội phạm

Người bào chữa Đoàn Thị Tâm trình bày lời bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị N: Về cơ bản nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, sống ở vùng biên giới, hoàn cảnh gia đình

khó khăn, hiện nay một mình bị cáo tự nuôi con nhỏ, bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hơn nữa bị cáo có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng huân chương, bị cáo chưa được hưởng lợi trực tiếp từ hành vi phạm tội, chưa gây thiệt hại về người và tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo theo điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với kết quả điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng về động cơ, mục đích ...đủ căn cứ để kết luận: Do đã liên lạc với nhau từ trước, ngày 26/3/2020 Hoàng Thị N được người đàn ông Trung Quốc (không rõ địa chỉ) tên là P gọi điện để tìm xe ô tô đón 08 (tám) người Việt Nam từ thành phố C vào Huyện H, tỉnh Cao Bằng để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với giá 4000CNY (bốn nghìn nhân dân tệ). Hoàng Thị N đồng ý và được P gửi số điện thoại của Lý Thị M, Lý Thị H để liên lạc đón người, Hoàng Thị N thuê Tô Văn N đến đón 08 người tại bến xe khách thành phố C. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Tô Văn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 11A-056.47 đến bến xe khách thành phố C để đón người thì bị Công an thành phố C kiểm tra đưa về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi thực hiện như bản cáo trạng đã nêu.

Xét thấy hành vi tổ chức đưa 08 người đến Huyện H, tỉnh Cao Bằng rồi sang Trung Quốc làm thuê, không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhận tiền công với đối tượng người Trung Quốc (tên P) là vi phạm pháp luật. Hành vi đó đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác...Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm trục lợi bất hợp pháp từ việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Việc đưa bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc tư lợi cá nhân, chưa có động cơ, mục đích nào khác; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ bị cáo là ông Hoàng Viết M là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân chương. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy quan điểm của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

Tuy việc đưa người sang Trung Quốc không thành, nhưng mục đích của bị cáo là trục lợi từ việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, đây là yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01(một) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, màu xanh đen, nhãn hiệu OPPO có số IMEI 1: 860163041292736; IMEI 2: 860163041292728, có gắn 01 (một) sim.

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, màu xanh, nhãn hiệu FOXFONE, có gắn 02 (hai) sim.

Những vật chứng trên, bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc và phương tiện thực hiện tội phạm do đó cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Hoàng Thị N phạm tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự . Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

**2. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước những vật chứng sau:

- 01(một) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, màu xanh đen, nhãn hiệu OPPO có số IMEI 1: 860163041292736; IMEI 2: 860163041292728, có gắn 01 (một) sim.

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, màu xanh, nhãn hiệu FOXFONE, có gắn 02 (hai) sim.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 01 ngày 07/10/2020.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như**